

ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ BỆNH HỆ TIẾT NIỆU Ở MÈO VÀ HIỆU QUẢ ĐIỀU TRỊ TẠI MỘT SỐ PHÒNG KHÁM Ở TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Vũ Thụy Hồng Loan¹, Nguyễn Đình Lan Tường¹,
Đur Thanh Vũ², Nguyễn Văn Phát¹, Nguyễn Thị Lan Anh^{1*}

*Tác giả liên hệ email: ntl.anh@hutech.edu.vn

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện trên 480 con mèo để xác định một số yếu tố nguy cơ và triệu chứng trên các con mèo bị bệnh đường tiết niệu qua phương pháp chẩn đoán hình ảnh, khám lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá hiệu quả điều trị. Qua kết quả kiểm tra siêu âm, X-quang và khám lâm sàng cho thấy tỷ lệ mèo có bệnh lý trên hệ tiết niệu là 6,46%. Các yếu tố về nhóm giống, lứa tuổi, giới tính, loại thức ăn và lượng nước sử dụng có liên quan đến tỷ lệ mèo mắc bệnh tiết niệu. Tỷ lệ bệnh tiết niệu của giống mèo ngoại (9,96%) cao hơn giống mèo nội (2,93%), mèo cái (9,95%) cao hơn mèo đực (3,94%), mèo trên 5 năm tuổi mắc bệnh đường tiết niệu cao nhất (10,5%) và thấp nhất dưới 2 năm tuổi (3,16%), mèo cho ăn hạt, thức ăn sấy khô mắc bệnh tiết niệu cao nhất (61,29%) và thấp nhất là ăn thức ăn cơm và thịt (16,13%), mèo uống nhiều nước (16,13%) có tỷ lệ mắc bệnh tiết niệu thấp hơn mèo cho uống ít nước (83,87%). Kết quả kiểm tra lâm sàng cho thấy mèo mắc bệnh đường tiết niệu thường bí tiểu (41,94%), tiểu ra máu (19,35%), niêm mạc nhợt nhạt, ối, mệt mỏi (>35%). Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu sinh lý máu cho thấy số lượng bạch cầu tăng (15/31), số lượng hồng cầu giảm (6/31), chỉ số hemoglobin giảm (9/31), chỉ số hematocrit giảm (13/31) và số lượng tiểu cầu giảm (9/31). Kết quả điều trị mèo bị bệnh đường tiết niệu khỏi bệnh là khá cao (74,19%) và giảm triệu chứng bệnh (19,35%).

Từ khóa: Mèo, tiết niệu, điều trị.

Assessing some urinary system diseases and treatment efficacy in cats at some clinics in Ho Chi Minh City

Nguyen Vu Thuy Hong Loan, Nguyen Dinh Lan Tuong,
Du Thanh Vu, Nguyen Van Phat, Nguyen Thi Lan Anh

SUMMARY

This study was conducted on 480 cats to identify some risk factors and symptoms in cats with urinary tract diseases through image diagnosis, clinical and paraclinical examination methods and evaluate treatment effectiveness. The research results showed that the rate of cats with urinary diseases was 6.46%. Factors, such as: breed group, age, sex, type of food and amount of water used, all were related to the rate of cat's urinary diseases. The rate of urinary diseases in the exotic cats (9.96%) was higher than that of the indigenous cats (2.93%), in the female cats (9.95%) was higher than in the male cats (3.94%), cats over 5 years old had the highest rate of urinary disease (10.5%) and cats under 2 years old infected with the lowest rate of urinary disease (3.16%), cats ate seeds and dried food infected with the highest rate of urinary disease (61.29%) and cats ate rice and meat infected with lowest rate of urinary disease (16.13%), cats drank more water infected with lowest rate (16.13%) of urinary diseases in comparison with cats drank little water (83.87%). Clinical examination results showed that cats with urinary disease often had urinary retention (41.94%), bloody urine (19.35%), pale mucous membranes, vomiting, and fatigue (>35%). The tested result of blood physiology showed that white blood cell count increased (15/31), red blood cell count decreased (6/31), hemoglobin decreased (9/31), hematocrit decreased (13/31) and platelet count decreased (9/31). The treatment efficacy for cats with urinary disease were quite high (74.19%) and symptoms were reduced (19.35%).

Keywords: Cat, urinary, treatment.

¹ Khoa Thú y – Chăn nuôi, Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh

² Phòng khám thú y K9

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2023, Việt Nam trong những năm gần đây, số lượng và quy mô chăn nuôi thú cưng phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của đàn thú cưng đó là sự phát triển kỹ thuật ngành Thú y nên các kỹ thuật siêu âm, X-quang được áp dụng nhiều vào chẩn đoán hình ảnh các ca bệnh, đặc biệt là bệnh trên hệ thống tiết niệu nên hỗ trợ chẩn đoán chính xác bệnh và nâng cao hiệu quả điều trị. Gần đây, mèo cũng được nuôi dưỡng, yêu thương và chăm sóc như chính thành viên trong gia đình nhưng vẫn còn một số cá nhân vẫn chưa quan tâm nhiều đến việc theo dõi và kiểm tra sức khỏe hàng ngày của mèo. Bên cạnh đó, thói quen sinh hoạt, chế độ dinh dưỡng thiếu hiểu biết của chủ nuôi hay do những tác nhân xung quanh cũng có khả năng tác động đến sức khỏe của vật nuôi. Chính vì vậy, các ca bệnh tiết niệu trên mèo vẫn còn xảy ra. Từ tháng 10/2016 đến 5/2017 có 37 ca mèo mắc bệnh tiết niệu tại phòng khám GAIA (Sử Thanh Long và Đỗ Minh Hoàn, 2017). Hồ Thy Kỳ và Nguyễn Vũ Thụy Hồng Loan (2021) đã phát hiện 20 con mèo bị sỏi trong 76 ca mèo bệnh đường tiết niệu (chiếm tỷ lệ 26,3%). Geddes *et al.* (2023) phát hiện 4,5% (521/11481) mèo có sỏi tiết niệu và tác nhân niệu quản.

Một số bệnh hệ tiết niệu trên mèo gồm bệnh đường tiết niệu dưới như sỏi niệu, viêm bàng quang do vi khuẩn, tắc nghẽn niệu đạo và bệnh đường tiết niệu trên như khiếm khuyết tiểu cầu thận bẩm sinh, bệnh thận mắc phải (Vũ Kim Chiến, 2018). Sỏi tiết niệu là bệnh lý thường gặp trên hệ tiết niệu của mèo (Vũ Kim Chiến, 2012). Nguyên nhân thường gây bí tiểu trên mèo đực do chất cặn bã tạo ra trong quá trình viêm, chất nhầy niêm mạc bong tróc, tinh thể sỏi nhỏ đã hình thành trong thận và đọng lại tại bàng quang. Ngoài ra còn do nhiễm virus, chế độ ăn, uống làm cho nguy cơ mắc bệnh tăng lên, ung thư niệu đạo, chấn thương trước đó gây ra sẹo đường tiểu (Thái Thị Mỹ Hạnh, 2020). Để hiểu rõ hơn về một số yếu tố nguy cơ, biểu hiện bệnh cũng như hiệu quả điều trị bệnh tiết niệu trên mèo và qua đó nhằm cung cấp thông tin hữu ích để ứng dụng vào công tác chẩn đoán, phòng và trị bệnh cho mèo có bệnh lý hệ tiết niệu tốt hơn.

II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian thực hiện: từ tháng 1/2023 đến tháng 8/2023

Địa điểm khảo sát: Trung tâm Thú y Fullpet Sài Gòn (Tân Phú, Bình Thạnh), Phòng khám thú y K9 (Quận 7).

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả mèo đến khám và điều trị ở một số phòng khám tại thành phố Hồ Chí Minh. Đánh giá một số yếu tố nguy cơ của bệnh trên hệ tiết niệu ở mèo và đánh giá hiệu quả điều trị theo phác đồ điều trị của phòng khám tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Khám lâm sàng

Hỏi chủ nuôi các thông tin về tuổi tác, giới tính, giống loài, chế độ dinh dưỡng, lượng nước uống hàng ngày, môi trường sinh sống, tiểu tiện và tình trạng phân, sự vận động, tiền sử bệnh trước đây và các biểu hiện bất thường tại nhà, bệnh ghép, thời gian xuất hiện triệu chứng, ... Kiểm tra thể trạng chung của con vật (thân nhiệt, đo nhịp tim và hô hấp, màu sắc niêm mạc, màu lông và tình trạng da), kiểm tra các triệu chứng lâm sàng như màu sắc nước tiểu, nước tiểu có máu hay mủ, tư thế đi tiểu (hay rặn, gồng mình), số lần đi tiểu, lượng nước tiểu nhiều hay ít, táo bón (đánh giá tình trạng thiếu nước). Sờ, nắn kiểm tra vùng bàng quang và vùng thận bằng phương pháp này để xem phản ứng của con vật. Vùng bụng có thể căng cứng do ứ đọng nước tiểu trong bàng quang, có thể thú sẽ đau đớn. Xác định được mức độ nặng, nhẹ và chỉ định xét nghiệm máu sinh lý, sinh hóa, siêu âm hoặc chụp X - quang vùng bụng để xác định chính xác bệnh (nếu cần). Lập bệnh án theo dõi bệnh và đưa ra phác đồ điều trị.

2.3.2. Chẩn đoán cận lâm sàng

- Xét nghiệm máu: Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ lấy máu và cố định ven mèo. Lấy khoảng 1-3ml vào ống nghiệm kháng đông vô trùng. Mẫu được xử lý và đọc kết quả tự động bằng máy sinh lý tự động BC5000 Vet, Mindray.

- Siêu âm: Sau khi chó, mèo được khám lâm sàng và có nghi ngờ thú bị bệnh về hệ tiết niệu, bác sĩ chỉ định siêu âm để chẩn đoán chính xác bệnh lý. Sử dụng máy siêu âm Doppler màu Vetu 7, hãng Mindray. Đầu tiên, cố định thú

theo tư thế nằm ngửa trên ghế nằm chữ V hoặc bàn siêu âm. Tiến hành cạo sạch lông vùng bụng, vệ sinh sạch vùng chuẩn bị siêu âm và thoa gel lên vùng đó. Tiến hành siêu âm, ghi nhận kết quả và kết luận bệnh.



Siêu âm bàng quang có viên sỏi lớn 1,8cm và nhiều sạn li ti

Viêm bàng quang, thành bàng quang dày 0,48 cm

Thận bất thường, thận bị viêm có nhiều đốm trắng

Hình 1. Một số hình ảnh siêu âm bệnh tiết niệu mèo

- X-quang: Cố định chó, mèo theo hai tư thế cần chụp (nằm nghiêng và nằm ngửa). Nếu chụp ở tư thế nằm ngửa thì phải chụp lấy đủ hình ảnh hệ niệu từ cực cao nhất thận đến bờ trên xương mu (bàng quang). Tiến hành chụp X - quang, ghi nhận kết quả và kết luận bệnh.

2.3.3. Điều trị

- **Điều trị không can thiệp phẫu thuật:** Đối với những bệnh giai đoạn đầu, những triệu chứng và bệnh lý chưa nghiêm trọng như viêm bàng quang, viêm đường tiết niệu, sạn bàng quang thì có thể cho mèo đặt ống thông tiểu, sử dụng thuốc (thuốc tan sỏi, thuốc lợi tiểu,...), thay đổi chế độ ăn uống (uống nhiều nước, ăn ít đạm và bổ sung rau củ), môi trường sinh sống và chế độ sinh hoạt (vệ sinh sạch sẽ, vận động thường xuyên). Tiếp tục theo dõi thêm.

- Điều trị can thiệp phẫu thuật

Mở rộng đường tiểu: Phẫu thuật mở rộng đường tiểu hay còn gọi là phẫu thuật chuyển giới, phương pháp được áp dụng phổ biến ở con đực. Nguyên nhân do đường tiết niệu của con đực dễ bị tắc nghẽn bởi sạn, sỏi hơn con cái. Đây là phẫu thuật làm tăng khẩu kính lỗ ngoài niệu đạo giúp cho nước tiểu được lưu thông, quá trình tiểu tiện được diễn ra bình thường. Trường hợp bắt buộc phải phẫu thuật tạo đường tiểu mới khi phương pháp thông tiểu không thể thực hiện

được. Trong suốt quá trình phẫu thuật, y tá, bác sĩ phải thường xuyên kiểm tra nhịp tim và tần số hô hấp ổn định để tránh những rủi ro ngoài ý muốn. Sau khi phẫu thuật thành công, thú được đặt một ống thông tiểu tạm thời cho đến khi vết mổ ổn định thì có thể tháo ra và sử dụng “đường tiểu mới”.



Hình 2. Phẫu thuật mở rộng đường tiểu do bị tắc nghẽn niệu đạo

Mở lấy sỏi bàng quang: Phẫu thuật được sử dụng khi viên sỏi quá lớn gây tắc nghẽn đường tiết niệu. Tiến hành bằng việc dùng dao mổ tạo một vết mổ (độ lớn tùy vào kích thước mỗi con vật) ở vùng bụng, tiếp tục mở rộng vết mổ, dùng nhíp để lấy từng viên sỏi và các chất cặn bã ra ngoài một cách cẩn thận, tránh làm hư hại bàng quang. Trong suốt quá trình phẫu thuật phải thường xuyên kiểm tra nhịp tim và tần số hô hấp

ổn định để tránh những rủi ro ngoài ý muốn. Sau khi phẫu thuật thành công, thú được đặt một ống thông

tiểu tạm thời cho đến khi vết mổ ổn định thì có thể tháo ra và đi tiểu như bình thường.



Hình 3. Phẫu thuật lấy sỏi, sạn ra khỏi bàng quang

Chăm sóc hậu phẫu: Dùng nước muối sinh lý vệ sinh vết mổ, tiếp đến xịt nano bạc giúp vết thương mau chóng lành và hồi phục, bôi một lượng kem mỡ vừa đủ lên vết mổ, băng vết mổ lại bằng miếng gạc vô trùng và băng thun. Việc này nhằm giảm tối thiểu sự nhiễm trùng sau phẫu thuật. Khi con vật chưa tỉnh mê hoàn toàn, đo lại thân nhiệt để đảm bảo thể trạng thú vẫn khỏe mạnh. Nếu thân nhiệt thú bị hạ < 38°C cần chuẩn bị sẵn đèn sưởi cho thú cho đến khi thân nhiệt trở về mức bình thường. Đồng thời, tiêm hậu phẫu Enrofloxacin (1ml/10kg thể trọng) và Ketoprofen (1ml/20kg thể trọng) hoặc Dexamethasone (1ml/10 - 15kg thể trọng) cho con vật. Duy trì việc vệ sinh vết

thương, theo dõi tiến độ hồi phục và tiêm hậu phẫu hằng ngày trong vòng 7 - 14 ngày tùy vào mức độ lành vết thương của con vật.

2.3.4. Xử lý số liệu

Số liệu khảo sát được tính toán bằng phần mềm Microsoft Excel 2016 và phân tích thống kê bằng trắc nghiệm Chi-square trong phần mềm Minitab Version 16.0.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Một số yếu tố nguy cơ liên quan đến tỷ lệ bệnh tiết niệu trên mèo

Bảng 1. Tỷ lệ mèo có biểu hiện bệnh lý trên hệ tiết niệu theo nhóm giống, lứa tuổi, giới tính

Chi tiêu khảo sát		Số mèo khảo sát (con)	Số mèo bệnh (con)	Tỷ lệ (%)	P
Nhóm giống	Nội	239	7	2,93	< 0,01
	Ngoại	241	24	9,96	
	< 2	190	6	3,16	
Lứa tuổi (năm)	2 - 5	205	16	7,80	< 0,05
	> 5	85	9	10,59	
Giới tính	Đực	279	11	3,94	< 0,01
	Cái	201	20	9,95	
Tổng		480	31	6,46	

Bảng 1 cho thấy tỷ lệ mèo mắc bệnh tiết niệu ở giống ngoại (9,96%) cao hơn giống nội (2,93%). Tỷ lệ mèo mắc bệnh tiết niệu tăng dần theo lứa tuổi, cao

nhất ở lứa tuổi lớn hơn 5 năm tuổi (10,59%), tiếp theo nhóm lứa tuổi 2-5 năm tuổi (7,8%) và thấp nhất ở nhóm tuổi nhỏ hơn 2 năm tuổi (3,16%); mèo mắc

bệnh tiết niệu ở nhóm giới tính cái (9,95%) cao hơn giới tính đực (3,94%). Những sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$). Điều này có thể do mèo trên 5 năm tuổi thì hệ miễn dịch suy giảm, chức năng của hệ tiết niệu suy giảm dần, mèo ít vận động hơn nên dễ hình thành sỏi đường tiết niệu. Kết quả của nghiên cứu này cũng khá tương đồng với kết quả của Sừ Thanh Long và Đỗ Minh Hoàn (2017) phát hiện 37 ca mèo mắc bệnh hệ tiết niệu tại phòng khám và chăm sóc thú cưng GAIA và cũng cho rằng tỷ lệ mắc bệnh hệ tiết niệu mèo phụ thuộc vào các yếu tố như tính biệt, tuổi, giống, tình trạng triệt sản. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Geddes *et al.* (2023), tỷ lệ mèo mắc bệnh sỏi tiết niệu và tắc nghẽn niệu quản là 4,5% (521/11481) với các yếu tố nguy cơ giới tính cái, giống mèo và lứa tuổi lớn hơn 4 năm tuổi.

Hiện nay, giống mèo ngoại hay được chọn nuôi là giống mèo anh lông dài, mèo anh lông ngắn, mèo ba tư, munchkin có đặc điểm nước tiểu dễ đọng lại ở âm hộ dẫn đến tăng nguy cơ nhiễm trùng ở cơ quan sinh dục ngoài và ống thoát tiểu, gây viêm kế phát bàng quang và tăng sinh sỏi. Ngoài ra, thức ăn của những

giống mèo ngoại là thức ăn hạt, thực phẩm sấy khô nên cần phải uống nước nhiều hơn bình thường để tránh bị bệnh tiết niệu. Về mặt cấu tạo đường tiết niệu, mèo đực có nguy cơ mắc bệnh đường tiết niệu cao hơn nhưng khảo sát này lại cho thấy mèo cái có tỷ lệ mắc bệnh đường tiết niệu cao hơn, điều này có thể do các nguyên nhân tác động khác như điều kiện dinh dưỡng, lứa tuổi, môi trường sinh sống, thói quen vận động hàng ngày. Kết quả này tương đối phù hợp với kết quả của Hồ Thy Kỳ và cs. (2021) cho rằng tỷ lệ mèo bị sỏi đường tiết niệu ở giới tính cái cao hơn giới tính đực, giai đoạn 3-6 năm tuổi có tỷ lệ nhiễm sỏi cao nhất (45%) và giống ngoại nhiễm cao hơn giống nội. Kết quả của Lekcharoensuk *et al.* (2001) cũng cho thấy mèo từ 2 đến 7 tuổi có nguy cơ cao bị tắc niệu đạo, rối loạn thần kinh, dị tật bẩm sinh và chấn thương, 4 đến dưới 10 tuổi có nguy cơ mắc bệnh sỏi tiết niệu, tắc nghẽn niệu đạo, bệnh đường tiết niệu dưới và mèo từ 10 tuổi trở nên có nguy cơ mắc nhiễm trùng tiết niệu và khối u.

Như vậy, tỷ lệ mèo mắc bệnh tiết niệu là 6,46% (31/480) và phụ thuộc vào nhóm giống, lứa tuổi và giới tính.

Bảng 2. Tỷ lệ ảnh hưởng bởi điều kiện dinh dưỡng trên mèo mắc bệnh tiết niệu

Điều kiện dinh dưỡng		Số mèo (con)	Tỷ lệ (%)	P
Thức ăn	Hạt, thức ăn sấy khô	19	61,29	< 0,001
	Cơm, thịt	5	16,13	
	Pate	7	22,58	
Nước uống	Uống ít nước	26	83,87	< 0,001
	Uống nhiều nước	5	16,13	
Tổng		31	100	

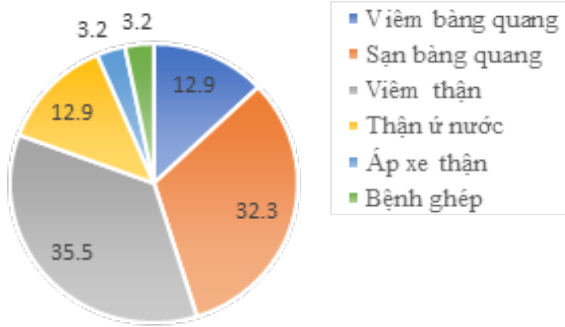
Khảo sát chủ nuôi của 31 ca mèo bệnh tiết niệu cho thấy thức ăn hạt và thức ăn sấy khô được mèo sử dụng cao nhất (61,29%), tiếp đến là pate (22,58%) và thấp nhất khẩu phần cơm, thịt (16,13%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($P < 0,001$). Khi mèo ăn những thức ăn khô kết hợp với thói quen uống ít nước (83,87%) dễ dẫn đến nguy cơ mắc bệnh tiết niệu cao.

Vì vậy, một chế độ dinh dưỡng tốt có thể góp phần làm giảm và ngăn ngừa bệnh tiết niệu xảy ra trên vật nuôi. Kết quả ghi nhận này phù hợp với La Thế Huy (2006) cho rằng trong

tình hình hiện nay, thức ăn khô cho thú cưng được sử dụng ngày càng phổ biến, cộng thêm việc chúng ít có điều kiện tự do uống nước và thường xuyên nhịn tiểu dẫn đến nguy cơ hình thành bệnh tiết niệu rất cao.

3.2. Phân loại bệnh và tần xuất xuất hiện một số triệu chứng trên mèo bệnh đường tiết niệu

Sử dụng phương pháp chẩn đoán lâm sàng và cận lâm sàng trên 31 ca mèo bệnh tiết niệu để ghi nhận một số bệnh và triệu chứng thường gặp trên mèo bệnh hệ tiết niệu được thể hiện ở hình 4 và bảng 3.



Hình 4. Tỷ lệ một số dạng bệnh lý trên hệ tiết niệu mèo

Bảng 3. Tần suất xuất hiện một số triệu chứng trên mèo bệnh đường tiết niệu (n=31)

Triệu chứng	Số ca biểu hiện (con)	Tỷ lệ (%)
Ói	12	38,71
Mệt mỏi	12	38,71
Niêm mạc nhợt nhạt	11	35,48
Bỏ ăn	9	29,03
Sốt	2	6,45
Bí tiểu	13	41,94
Tiểu ra máu	6	19,35
Huyết khối bàng quang	2	6,45
Ứ nước trong thận	4	12,90
Áp xe thận	1	3,23

Qua hình 4, tỷ lệ mèo mắc bệnh thận 51,61% (16/31) cao hơn tỷ lệ mèo mắc bệnh bàng quang 45,16% (14/31) và có 1 ca bệnh ghép viêm bàng quang, viêm thận, viêm đường tiết niệu dưới (3,23%). Kết quả của nghiên cứu này khác so với nghiên cứu

của Sử Thanh Long và Đỗ Minh Hoàn (2017) phát hiện mèo mắc bệnh hội chứng rối loạn đường tiết niệu chiếm tỷ lệ cao nhất (70,27%), kể đến sỏi bàng quang/niệu quản (16,22%) và viêm tiết niệu là 13,51%. Theo Vũ Kim Chiến (2018), một số bệnh hệ tiết niệu trên mèo gồm bệnh đường tiết niệu dưới là sỏi niệu, viêm bàng quang do vi khuẩn, tắc nghẽn niệu đạo và bệnh đường tiết niệu trên là khiếm khuyết tiểu cầu thận do bẩm sinh, bệnh thận mắc phải. Bệnh đường tiết niệu dưới phổ biến ở mèo dưới 10 tuổi là viêm bàng quang vô căn (Bartges và Corbee, 2023). Nguyễn Phúc Khánh và cs. (2020) ứng dụng kỹ thuật siêu âm vào chẩn đoán bệnh thận trên chó giúp phát hiện bệnh lý chủ yếu ở thận là viêm thận, thận ứ nước và kết quả nghiên cứu này cũng đã phát hiện bệnh lý trên thận mèo chủ yếu là viêm thận qua siêu âm.

Bảng 3 cho thấy mèo bệnh thận thường là suy thận mạn tính với triệu chứng là bỏ ăn, ói (hình 5B), niêm mạc nhợt nhạt, thờ mệt, thể trạng gầy, đôi khi mất nước. Mèo bị bệnh bàng quang thường bí tiểu (41,94%), tiểu ra máu (19,35%) và thấp nhất là huyết khối trong bàng quang (6,45%). Mèo tiểu ra máu (hình 5A) có thể thấy màu nước tiểu đỏ hoặc nâu sậm và có thể do nguyên nhân xuất huyết ở niệu đạo, bàng quang và tổn thương ở thận. Thái Thị Mỹ Hạnh (2020) cho thấy bí tiểu hay xảy ra trên mèo đực từ bàng quang đến đoạn ra khỏi dương vật. Nguyên nhân thường do chất cặn bã tạo ra trong quá trình viêm, chất nhầy niêm mạc bong tróc, tinh thể sỏi nhỏ đã hình thành trong thận và đọng lại tại bàng quang. Ngoài ra còn do nhiễm virus, chế độ ăn, uống làm cho nguy cơ mắc bệnh tăng lên, ung thư niệu đạo, chấn thương trước đó gây ra sẹo đường tiểu.



A: Nước tiểu có lẫn máu tươi



B: Mèo bị bí tiểu, hay ói bọt trắng

Hình 5. Một số triệu chứng mèo bị bệnh tiết niệu

3.3. Kết quả sinh lý máu trên mèo mắc bệnh tiết niệu

Tiến hành lấy máu xét nghiệm 31 cá thể mèo

bệnh tiết niệu để kiểm tra sự thay đổi một số chỉ tiêu sinh lý như số lượng bạch cầu, số lượng hồng cầu, chỉ số hemoglobin, chỉ số hematorit và số lượng tiểu cầu. Kết quả được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Kết quả sinh lý máu mèo bệnh đường tiết niệu (n=31)

Chỉ tiêu khảo sát	Ngưỡng sinh lý	Số ca bất thường (min-max)	Số ca trên ngưỡng	Số ca dưới ngưỡng	Tỷ lệ số ca bất thường (%)
WBC ($10^9/L$)	5,5 - 19,5	17 (0,5-37)	15	2	54,84
NEU ($10^9/L$)	3,1 - 12,6	22 (0,2-36,9)	21	1	70,97
MON ($10^9/L$)	0,1 - 1,3	8 (0-2,8)	7	1	25,81
RBC ($10^{12}/L$)	4,6 - 10,2	8 (2,3-12,8)	2	6	25,81
HGB (g/L)	85 - 153	12 (37-183)	3	9	38,71
HCT (%)	26 - 47	14 (10,8-48)	1	13	45,16
PLT ($10^9/L$)	100 - 518	9 (29-98)	0	9	29,03

Bảng 4 cho thấy số ca có số lượng bạch cầu bất thường cao nhất (54,84%), trong đó số lượng bạch cầu trung tính (21/31) tăng cao hơn bạch cầu đơn nhân (7/31) do các ca viêm thận, viêm bàng quang chủ yếu xảy ra cấp tính. Số lượng hồng cầu đa số biến động giảm (6/31), trong đó chỉ số hematocrit và hemoglobin đều chủ yếu giảm, dẫn đến khả năng vận chuyển oxy cung cấp cho mô bào bị thiếu nên đa số mèo có biểu hiện niêm mạc nhợt nhạt (35,48%). Trong các ca bất thường về số lượng tiểu cầu không phát hiện ca nào có số lượng tiểu cầu trên ngưỡng.

3.4. Hiệu quả điều trị trên mèo

Sau khi mèo được chẩn đoán bệnh qua các phương pháp lâm sàng và cận lâm sàng, chúng tôi tiến hành điều trị trên mèo có biểu hiện bệnh lý hệ tiết niệu theo phác đồ điều trị tại phòng khám. Kết quả được thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5. Hiệu quả điều trị bệnh tiết niệu trên mèo

Kết quả điều trị	Số con điều trị (con)	Tỷ lệ (%)
Khỏi	23	74,19
Giảm	6	19,35
Tử vong	2	6,45

Qua bảng 5, hiệu quả điều trị bệnh tiết niệu trên mèo khá cao (74,19%) nhưng vẫn còn một số ca viêm thận mạn tính, dẫn đến chức năng thận đã suy giảm, khả năng lọc của thận đã bị ảnh hưởng, hư hỏng thì không thể hồi phục hoàn toàn 100% như ban đầu. Tỷ lệ mèo bệnh tiết niệu tử vong thấp (6,45%) gặp trong trường hợp thận có áp xe nên thận đã suy và ca bệnh ghép vừa suy thận, sạn bàng quang, viêm đường tiết niệu dưới kết hợp biến chứng bệnh tiểu đường, chủ đưa tới phòng khám trễ, mèo có biểu hiện suy kiệt, không có khả năng chịu đựng theo tiến trình điều trị.

Đối với các ca bệnh lý tiết niệu thì phương pháp điều trị hay lựa chọn nhất là sử dụng thuốc nhưng một số ca gây bí tiểu, kích thích sạn lớn nên sử dụng phương pháp đặt ống thông tiểu hoặc phẫu thuật lấy sỏi và mở rộng đường tiểu. Bệnh lý suy thận cấp thường diễn biến nhanh và nguy hiểm, một số ca sau điều trị 5-7 ngày chuyển sang thể mạn tính. Những ca suy thận mạn tính chúng tôi ghi nhận thấy không chỉ đơn thuần là suy giảm chức năng thận mà còn suy giảm chức năng các cơ quan khác nên bệnh khó điều trị hơn.

IV. KẾT LUẬN

Tỷ lệ mèo mắc bệnh tiết niệu là 6,46% và phụ thuộc vào nhóm giống, lứa tuổi, giới tính, loại thức ăn sử dụng và lượng nước sử dụng. Bệnh phổ biến trên đường tiết niệu mèo là bệnh ở thận và bàng quang với một số triệu chứng bỏ ăn, ói, niêm mạc nhợt nhạt, thờ mệt, thể trạng gầy, đôi khi mất nước, bí tiểu và tiểu ra máu. Mèo mắc bệnh đường tiết niệu thường hay kèm theo quá trình viêm và ở thể cấp tính nên đa số có sự thay đổi một số chỉ tiêu sinh lý như số lượng bạch cầu tăng, số lượng hồng cầu giảm, chỉ số hemoglobin giảm, chỉ số hematorit giảm và số lượng tiểu cầu giảm. Hiệu quả điều trị bệnh đường tiết niệu trên mèo khá cao (74,19%) và phương pháp điều trị hay lựa chọn nhất là sử dụng thuốc.

Lời cảm tạ: Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh theo mã số 2024.03.TYCN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lekcharoensuk, C., Osborne, C. A., & Lulich, J. P., 2001. Epidemiologic study of risk factors for lower urinary tract diseases in cats. *Journal of the American Veterinary Medical Association*, 218(9), 1429-1435.
2. Vũ Kim Chiển, 2012. Điều trị sỏi tiết niệu theo phương pháp nội khoa. *Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y*, 19(4): 79-81.
3. Sử Thanh Long và Đỗ Minh Hoàn, 2017. Một số bệnh đường tiết niệu dưới thường gặp trên mèo và phác đồ điều trị. *Tạp chí KHKT chăn nuôi*.
4. Vũ Kim Chiển, 2018. Rối loạn hệ tiết niệu trên mèo. *Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y*, 25(4): 97-100.
5. Thái Thị Mỹ Hạnh, 2020. Hội chứng bí tiểu trên mèo. *Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y*, 27(4): 95-96.
6. Hồ Thy Kỳ và Nguyễn Vũ Thụy Hồng Loan, 2021. Khảo sát đường tiết niệu trên mèo tại phòng khám thú y thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y*, 28(8): 22-27.
7. Bartges, J., & Corbee, R. J., 2023. Nutritional management of lower urinary tract disease. *Applied veterinary clinical nutrition*, 412-440.
8. Geddes, R. F., Davison, L. J., Elliott, J., Syme, H. M., & O'Neill, D. G., 2023. Risk factors for upper urinary tract uroliths and ureteral obstruction in cats under referral veterinary care in the United Kingdom. *Journal of Veterinary Internal Medicine*, 37(2), 567-577.
9. Nguyễn Phúc Khánh, Trần Ngọc Bích, Trần Thị Thảo, Lê Bình Minh và Đặng Thị Mỹ Tú, 2020. Ứng dụng kỹ thuật siêu âm trong chẩn đoán bệnh ở thận trên chó tại thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y*, 27(8): 19-24.

Ngày nhận: 15-3-2024

Ngày phản biện: 18-8-2024

Ngày đăng: 1-12-2024